

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	25.01.13	Toán	20.000	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
2	25.01.09	Toán	24.000	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
3	25.01.18	Toán	15.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
4	25.01.04	Toán	25.000	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
5	25.01.15	Toán	22.500	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
6	25.01.19	Toán	22.000	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
7	25.01.03	Toán	21.500	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
8	25.01.27	Toán	21.000	Ba	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
9	25.01.06	Toán	23.500	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
10	25.01.26	Toán	21.500	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
11	25.01.02	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
12	25.01.16	Toán	21.000	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
13	25.01.29	Toán	28.000	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
14	25.01.25	Toán	29.500	Nhất	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
15	25.01.23	Toán	20.500	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
16	25.01.11	Toán	17.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
17	25.01.14	Toán	16.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
18	25.01.10	Toán	18.500	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
19	25.01.01	Toán	22.500	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
20	25.01.28	Toán	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
21	25.01.21	Toán	16.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
22	25.01.08	Toán	18.000	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
23	25.01.20	Toán	20.500	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
24	25.02.02	Vật lí	29.000	Nhất	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
25	25.02.01	Vật lí	24.000	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
26	25.02.07	Vật lí	32.000	Nhất	12	THPT Chuyên Hùng Vương
27	25.02.05	Vật lí	22.500	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
28	25.02.12	Vật lí	17.500	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	25.02.16	Vật lí	17.500	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
30	25.02.09	Vật lí	17.000	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
31	25.02.21	Vật lí	13.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
32	25.02.23	Vật lí	20.000	Nhì	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
33	25.02.25	Vật lí	19.250	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
34	25.02.20	Vật lí	17.250	Ba	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
35	25.02.03	Vật lí	21.750	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
36	25.02.17	Vật lí	11.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
37	25.02.08	Vật lí	18.250	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
38	25.02.04	Vật lí	20.000	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
39	25.02.27	Vật lí	18.500	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
40	25.02.11	Vật lí	18.750	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
41	25.02.18	Vật lí	15.250	Ba	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
42	25.02.06	Vật lí	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
43	25.02.15	Vật lí	20.250	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
44	25.02.24	Vật lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
45	25.02.14	Vật lí	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
46	25.02.10	Vật lí	16.000	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
47	25.02.26	Vật lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
48	25.02.19	Vật lí	13.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
49	25.03.13	Hoá học	22.500	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
50	25.03.22	Hoá học	32.125	Nhất	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
51	25.03.17	Hoá học	24.000	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
52	25.03.28	Hoá học	22.750	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
53	25.03.23	Hoá học	25.750	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
54	25.03.20	Hoá học	22.000	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
55	25.03.19	Hoá học	19.000	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
56	25.03.21	Hoá học	16.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	25.03.12	Hoá học	17.625	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
58	25.03.27	Hoá học	21.125	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
59	25.03.26	Hoá học	19.000	Ba	11	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
60	25.03.10	Hoá học	18.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
61	25.03.15	Hoá học	22.000	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
62	25.03.25	Hoá học	16.625	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
63	25.03.05	Hoá học	20.125	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
64	25.03.04	Hoá học	16.375	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
65	25.03.03	Hoá học	15.375	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
66	25.03.01	Hoá học	18.125	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
67	25.03.24	Hoá học	14.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
68	25.03.14	Hoá học	18.750	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
69	25.03.18	Hoá học	15.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
70	25.03.02	Hoá học	15.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
71	25.04.02	Sinh học	25.500	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
72	25.04.14	Sinh học	24.000	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
73	25.04.25	Sinh học	24.750	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
74	25.04.06	Sinh học	23.750	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
75	25.04.13	Sinh học	19.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
76	25.04.08	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
77	25.04.09	Sinh học	24.250	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
78	25.04.12	Sinh học	21.500	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
79	25.04.23	Sinh học	21.500	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
80	25.04.15	Sinh học	21.000	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
81	25.04.07	Sinh học	18.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
82	25.04.01	Sinh học	21.500	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
83	25.04.03	Sinh học	19.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
84	25.04.04	Sinh học	21.250	Ba	11	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
85	25.04.24	Sinh học	21.250	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
86	25.04.26	Sinh học	19.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
87	25.04.18	Sinh học	20.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
88	25.04.16	Sinh học	20.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
89	25.04.17	Sinh học	18.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
90	25.04.10	Sinh học	18.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
91	25.04.11	Sinh học	18.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
92	25.05.26	Tin học	30.332	Nhất	12	THPT Chuyên Hùng Vương
93	25.05.15	Tin học	18.450	Ba	10	THPT Chuyên Hùng Vương
94	25.05.23	Tin học	20.270	Ba	10	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
95	25.05.13	Tin học	21.890	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
96	25.05.09	Tin học	18.500	Ba	12	THPT Tam Dương
97	25.05.12	Tin học	17.340	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
98	25.05.20	Tin học	21.730	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
99	25.05.02	Tin học	20.250	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
100	25.05.25	Tin học	14.246	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
101	25.05.24	Tin học	14.841	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
102	25.05.06	Tin học	16.050	K.Khích	10	THPT Chuyên Hùng Vương
103	25.05.11	Tin học	18.594	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
104	25.05.03	Tin học	14.090	K.Khích	10	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
105	25.05.04	Tin học	13.588	K.Khích	10	THPT Chuyên Hùng Vương
106	25.05.17	Tin học	13.880	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
107	25.05.08	Tin học	18.940	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
108	25.05.01	Tin học	12.710	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
109	25.05.21	Tin học	14.790	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
110	25.05.19	Tin học	16.981	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
111	25.05.07	Tin học	15.070	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
112	25.05.10	Tin học	14.620	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
113	25.06.24	Ngữ văn	14.500	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
114	25.06.18	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
115	25.06.08	Ngữ văn	14.500	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
116	25.06.06	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
117	25.06.12	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
118	25.06.25	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
119	25.06.22	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
120	25.06.17	Ngữ văn	14.500	Nhì	11	THPT Chuyên Hùng Vương
121	25.06.09	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
122	25.06.10	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
123	25.06.05	Ngữ văn	13.500	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
124	25.06.02	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
125	25.06.27	Ngữ văn	13.000	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
126	25.06.28	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
127	25.06.15	Ngữ văn	15.500	Nhất	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
128	25.06.16	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
129	25.06.26	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
130	25.06.21	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
131	25.06.11	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
132	25.06.23	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
133	25.06.13	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
134	25.07.05	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
135	25.07.23	Lịch sử	17.750	Nhất	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
136	25.07.27	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
137	25.07.02	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
138	25.07.04	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
139	25.07.21	Lịch sử	16.000	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
140	25.07.24	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
141	25.07.03	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
142	25.07.08	Lịch sử	15.500	Ba	11	THPT Chuyên Hùng Vương
143	25.07.15	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Chuyên Hùng Vương
144	25.07.25	Lịch sử	17.000	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
145	25.07.13	Lịch sử	16.500	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
146	25.07.06	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
147	25.07.22	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
148	25.07.09	Lịch sử	16.750	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
149	25.07.07	Lịch sử	16.250	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
150	25.07.26	Lịch sử	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
151	25.07.16	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
152	25.07.20	Lịch sử	15.250	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
153	25.07.11	Lịch sử	14.250	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
154	25.07.18	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
155	25.07.17	Lịch sử	16.250	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
156	25.07.10	Lịch sử	15.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
157	25.08.23	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
158	25.08.07	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
159	25.08.28	Địa lí	16.000	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
160	25.08.01	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
161	25.08.26	Địa lí	15.000	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
162	25.08.04	Địa lí	15.500	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
163	25.08.22	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
164	25.08.15	Địa lí	13.500	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
165	25.08.16	Địa lí	16.250	Nhất	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
166	25.08.06	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
167	25.08.14	Địa lí	16.000	Nhì	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
168	25.08.05	Địa lí	14.750	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
169	25.08.10	Địa lí	13.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
170	25.08.18	Địa lí	13.750	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
171	25.08.02	Địa lí	14.250	Ba	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
172	25.08.17	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
173	25.08.12	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT Chuyên Hùng Vương
174	25.08.09	Địa lí	14.750	Ba	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
175	25.08.21	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
176	25.08.27	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
177	25.08.03	Địa lí	13.750	K.Khích	12	THPT Chuyên Hùng Vương
178	25.08.20	Địa lí	13.500	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
179	25.08.08	Địa lí	16.250	Nhất	12	THPT Chuyên Hùng Vương
180	25.08.24	Địa lí	13.250	K.Khích	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
181	25.08.13	Địa lí	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên Hùng Vương
182	25.08.25	Địa lí	15.500	Nhì	11	THPT Chuyên Vĩnh Phúc

Danh sách này gồm 182 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	25.09.17	Tiếng Anh	3.70	3.40	5.10	1.60	13.800	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
2	25.09.13	Tiếng Anh	3.70	3.80	5.90	1.80	15.200	Nhì	THPT Chuyên Hùng Vương
3	25.09.03	Tiếng Anh	3.60	4.20	5.80	1.30	14.900	Nhì	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
4	25.09.06	Tiếng Anh	3.50	3.30	5.20	1.50	13.500	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
5	25.09.10	Tiếng Anh	3.60	3.40	6.10	1.40	14.500	Nhì	THPT Chuyên Hùng Vương
6	25.09.02	Tiếng Anh	3.70	3.20	5.20	1.50	13.600	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
7	25.09.14	Tiếng Anh	3.50	3	4.80	1.50	12.800	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
8	25.09.24	Tiếng Anh	3.70	1.80	7.10	1.40	14.000	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
9	25.09.23	Tiếng Anh	3.70	3.40	4.90	1.50	13.500	K.Khích	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
10	25.09.20	Tiếng Anh	3.40	3.10	5.20	1.30	13.000	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
11	25.09.04	Tiếng Anh	3.50	3.40	5.30	1.30	13.500	K.Khích	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
12	25.09.18	Tiếng Anh	3.60	4	5.30	1.40	14.300	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
13	25.09.25	Tiếng Anh	3.60	3.70	5.70	1.40	14.400	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
14	25.09.01	Tiếng Anh	3.80	4.20	5.10	1.60	14.700	Nhì	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
15	25.09.21	Tiếng Anh	3.10	3.40	4.60	1.60	12.700	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
16	25.09.08	Tiếng Anh	3	3.30	5.20	1.20	12.700	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
17	25.09.09	Tiếng Anh	3.20	3.30	5.80	1.30	13.600	K.Khích	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
18	25.09.07	Tiếng Anh	3.70	4.40	5.30	1.60	15.000	Nhì	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
19	25.09.16	Tiếng Anh	3.50	3.70	5.80	1.40	14.400	Ba	THPT Việt Trì
20	25.09.19	Tiếng Anh	3.40	4.10	4.80	1.40	13.700	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
21	25.09.26	Tiếng Anh	3.40	3.60	4.80	1.20	13.000	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
22	25.09.05	Tiếng Anh	3.30	3.30	5	1.40	13.000	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
23	25.09.22	Tiếng Anh	3.70	3.80	5	1.40	13.900	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
24	25.10.06	Tiếng Nga	3.44	1.20	6.65	1.585	12.875	K.Khích	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
25	25.10.04	Tiếng Nga	3.45	1.25	6.15	1.340	12.190	K.Khích	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
26	25.10.01	Tiếng Nga	3.58	0.60	9.10	1.485	14.765	Nhì	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
27	25.11.13	Tiếng Pháp	7	2.50	3.60	1.575	14.675	Nhì	THPT Chuyên Vĩnh Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

25-TỈNH PHÚ THỌ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
28	25.11.08	Tiếng Pháp	6.90	3.25	3.50	1.5	15.150	Nhất	THPT Chuyên Hùng Vương
29	25.11.09	Tiếng Pháp	6.30	2.75	2.80	1.675	13.525	Nhì	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
30	25.11.10	Tiếng Pháp	6.50	3.25	4.20	1.6	15.550	Nhất	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
31	25.11.02	Tiếng Pháp	5.45	3	2.80	1.625	12.875	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
32	25.11.05	Tiếng Pháp	6.75	2.50	2.50	1.725	13.475	Nhì	THPT Chuyên Hùng Vương
33	25.11.15	Tiếng Pháp	5.30	2.75	2.90	1.525	12.475	Ba	THPT Chuyên Hùng Vương
34	25.11.04	Tiếng Pháp	4.70	2	3	1.2	10.900	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
35	25.11.03	Tiếng Pháp	6.70	2.75	2.90	1.275	13.625	Nhì	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
36	25.11.12	Tiếng Pháp	6.40	2.50	3.10	1.225	13.225	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
37	25.11.01	Tiếng Pháp	6.25	2.50	3.20	1.7	13.650	Nhì	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
38	25.11.06	Tiếng Pháp	7.20	3	2.60	1.475	14.275	Nhì	THPT Chuyên Hùng Vương
39	25.11.16	Tiếng Pháp	6.65	3	3	1.225	13.875	Nhì	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
40	25.11.07	Tiếng Pháp	6.45	2.25	2.80	1.325	12.825	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
41	25.11.14	Tiếng Pháp	6.20	1.25	3	1.65	12.100	K.Khích	THPT Chuyên Hùng Vương
42	25.11.11	Tiếng Pháp	6.30	2	3.05	1.3	12.650	Ba	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
43	25.12.04	Tiếng Trung	3.80	4.10	6.45	1.4	15.750	Nhì	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
44	25.12.06	Tiếng Trung	2.70	3.10	6.50	1.35	13.650	K.Khích	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
45	25.12.05	Tiếng Trung	2.90	3.30	5.65	1.5	13.350	K.Khích	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
46	25.12.03	Tiếng Trung	3.40	3.60	6	1.5	14.500	Ba	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ
47	25.12.01	Tiếng Trung	3.70	2.40	5.85	1.5	13.450	K.Khích	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ

Danh sách này gồm 47 thí sinh